

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt danh sách sinh viên được miễn, giảm học phí
Học kỳ 2 năm học 2021 - 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia TP.HCM;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét đề nghị của Trường phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt danh sách sinh viên được hưởng chế độ miễn, giảm học phí học kỳ 2 năm học 2021 – 2022 như sau:

Sinh viên được miễn 100% học phí: 90 sinh viên.

Sinh viên được giảm 70% học phí: 21 sinh viên.

Sinh viên được giảm 50% học phí: 22 sinh viên.

Tổng cộng: 133 sinh viên (Danh sách và mức miễn, giảm kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường phòng Kế hoạch - Tài chính, phòng Công tác sinh viên, các Khoa, Bộ môn, các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, CTSV.



Nguyễn Tiến Dũng



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
HỌC KỲ 2 - NĂM HỌC 2021 - 2022**

(Theo Quyết định số 400 /QĐ-DHKTŁ ngày 04 tháng 4 năm 2022)

STT	Mã SV	Họ và đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Tên Đối Tượng	Mức miễn, giảm	Số tiền miễn, giảm
1	K184040447	TÓNG THỊ HOÀI	THU	09/05/2000	K18404B	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100 %	6,050,000
2	K184040504	NGUYỄN BÁCH	TIỆP	07/04/2000	K18404C	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100 %	6,050,000
3	K184091183	NGUYỄN VĂN	QUYẾT	20/01/2000	K18409	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100 %	6,050,000
4	K184091212	ĐỖ NGỌC PHƯƠNG	DUNG	10/09/2000	K18409C	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100 %	6,050,000
5	K184091218	NGUYỄN HOÀNG LAN	HƯƠNG	30/10/2000	K18409C	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100 %	6,050,000
6	K185031778	BÙI THỊ LAN	HƯƠNG	16/08/2000	K18503	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100 %	6,050,000
7	K185041949	NGUYỄN NGỌC MINH	TÂM	30/12/2000	K18504C	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100 %	3,164,000
8	K194030277	LÊ THỊ THÚY	AN	30/10/2000	K19403	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100 %	7,068,000
9	K194040551	TRƯƠNG VĨ	NHƠN	24/08/2001	K19404C	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100 %	6,324,000
10	K194040553	HUỶNH THỊ THANH	PHỤNG	28/12/2001	K19404C	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100 %	6,324,000
11	K194040579	NGUYỄN TÂN	DŨNG	20/02/2001	K19404CA	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100 %	6,696,000
12	K194060862	PHẠM VĂN	NGUYỄN	06/04/2000	K19406C	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100 %	7,068,000

Handwritten signature

STT	Mã SV	Họ và đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Tên Đối Tượng	Mức miễn, giảm	Số tiền miễn, giảm
13	K194071013	ĐÀO TRỌNG	GIANG	12/03/2001	K19407CA	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100 %	5,580,000
14	K194111554	LÊ THANH	NGHỊ	09/5/2000	K19411	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100 %	5,208,000
15	K195011944	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VY	22/04/2001	K19501C	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100 %	7,440,000
16	K195032170	LÊ NGUYỄN THÁI	CƠ	11/11/2001	K19503C	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100 %	5,952,000
17	K195032176	NGUYỄN THỊ MỸ	HÈN	24/02/2001	K19503C	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100 %	10,044,000
18	K204061387	PHẠM LỘC	ÂN	11/06/1999	K20406	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100 %	6,696,000
19	K204061400	LÊ THỊ NGỌC	LAN	02/03/2002	K20406	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100 %	7,440,000
20	K204071490	NGUYỄN PHẠM THANH	THƯ	01/07/2002	K20407	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100 %	7,812,000
21	K204091657	PHAN LINH	TÂM	17/12/2002	K20409	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100 %	5,952,000
22	K204091674	THÁI NGỌC	ÁNH	11/06/2002	K20409C	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100 %	5,952,000
23	K204141912	NGUYỄN THỊ HỒNG	HÀ	16/07/2002	K20414C	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100 %	6,696,000
24	K214010040	PHẠM THỊ LỆ	UYÊN	8/6/2003	K21401	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100%	9,250,000
25	K214041631	PHẠM NGỌC	LINH	29/4/2003	K21404C	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100%	14,900,000
26	K214101304	ĐINH TRẦN DIỄM	MY	16/8/2003	K21410	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100%	10,250,000
27	K214110805	NGUYỄN MAI NHƯ	LUẬN	22/4/2003	K21411	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100%	10,250,000
28	K214010029	NGUYỄN THỊ LỆ	QUYÊN	9/12/2003	K21401	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100%	9,250,000

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Tên Đối Tượng	Mức miễn, giảm	Số tiền miễn, giảm
29	K214040304	ĐẶNG GIA	HUY	4/9/2003	K21404C	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100%	14,900,000
30	K214040291	TRẦN HỒNG	PHÚC	14/6/2003	K21404B	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100%	9,250,000
31	K214071805	LÊ VÔ CHÍNHH	TRUNG	3/3/2003	K21407C	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100%	14,900,000
32	K214131998	TRẦN THỊ THANH	TUYỀN	13/8/2003	K21413	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100%	9,250,000
33	K214140959	PHẠM HOÀNG THỦY	TIỀN	8/7/2003	K21414C	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100%	14,900,000
34	K215031123	ĐẶNG THỊ NGỌC	NGÂN	3/3/2003	K21503	MGHP-DT-1.4	SV là con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh	100%	9,250,000
35	K184020143	NGUYỄN NGỌC	LỢI	26/09/2000	K18402	MGHP-DT-1.5	SV là con của bệnh binh	100 %	7,166,000
36	K184030274	PHẠM THỊ HỒNG	NHUNG	23/04/2000	K18403	MGHP-DT-1.5	SV là con của bệnh binh	100 %	6,050,000
37	K185031821	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	25/12/2000	K18503C	MGHP-DT-1.5	SV là con của bệnh binh	100 %	6,050,000
38	K195011861	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGUYỆT	22/10/2001	K19501	MGHP-DT-1.5	SV là con của bệnh binh	100 %	4,092,000
39	K214132050	NGUYỄN ĐẠI	TÔN	13/8/2002	K21413CA	MGHP-DT-1.5	SV là con của bệnh binh	100 %	11,380,000
40	K215042349	TRẦN PHƯƠNG	NA	25/11/2003	K21504	MGHP-DT-1.5	SV là con của bệnh binh	100 %	9,250,000
41	K184101330	BÙI THỊ NGỌC	LAN	30/03/2000	K18410C	MGHP-DT-1.6	SV là con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.	100 %	6,050,000
42	K194050676	NGUYỄN THỊ THỦY	TRANG	05/02/2001	K19405	MGHP-DT-1.6	SV là con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.	100 %	7,440,000
43	K194101411	NGUYỄN VĂN	QUYỀN	10/11/2001	K19410	MGHP-DT-2	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học giáo dục đại học văn bằng thứ nhất mồ côi, không có nguồn nuôi dưỡng thuộc đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng	100 %	4,092,000
44	K194111524	TRẦN THỊ DIỄM	CHÂU	22/01/2001	K19411	MGHP-DT-2	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học giáo dục đại học văn bằng thứ nhất mồ côi, không có nguồn nuôi dưỡng thuộc đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng	100%	3,348,000

STT	Mã SV	Họ và đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Tên Đối Tượng	Mức miễn, giảm	Số tiền miễn, giảm
45	K194151763	HOÀNG LÝ MỸ	DUYÊN	23/7/2001	K19415	MGHP-DT-2	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học giáo dục đại học văn bằng thứ nhất mở cõi, không có nguồn nuôi dưỡng thuộc đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng	100%	6,696,000
46	K214081831	TRỊNH MINH	NGUYỆT	30/7/2003	K21408	MGHP-DT-2	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học giáo dục đại học văn bằng thứ nhất mở cõi, không có nguồn nuôi dưỡng thuộc đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng	100%	10,250,000
47	K215022222	NGUYỄN THỊ TÂM	NHƯ	25/11/2003	K21502	MGHP-DT-2	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi đang học giáo dục đại học văn bằng thứ nhất mở cõi, không có nguồn nuôi dưỡng thuộc đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng	100%	9,250,000
48	K204070318	HOÀNG CHI	MẠNH	6/9/1999	K20407	MGHP-DT-3	Sinh viên khuyết tật	100%	6,324,000
49	K184010005	NÔNG TRỌNG	ĐẠI	18/09/2000	K18401	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100 %	7,166,000
50	K184010026	CHU THỊ MAI	LINH	19/08/2000	K18401	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100 %	7,538,000
51	K184020158	TRƯƠNG HOÀNG	NHI	27/06/1998	K18402	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100 %	4,746,000
52	K184030265	NEÁNG SÓC	NAL	14/05/1999	K18403	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100%	2,604,000
53	K184050553	TỪ CÔNG KIỀU	CHI	25/02/1999	K18405	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100 %	4,374,000
54	K184060773	PHẠM THANH HẢI	VY	22/09/2000	K18406	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100 %	3,630,000
55	K184070828	HOÀNG THỊ HỒNG	HẠNH	04/11/2000	K18407	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100 %	6,050,000
56	K184081004	HOÀNG KIM	LIÊN	08/04/1999	K18408	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100 %	5,580,000
57	K184111452	ĐÀM NGỌC YẾN	NHI	2/6/2000	K18411C	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100%	3,630,000

STT	Mã SV	Họ và đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Tên Đối Tượng	Mức miễn, giảm	Số tiền miễn, giảm
58	K185011581	PHÚ THỊ BÍCH	TRANG	30/01/1999	K18501	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100 %	5,024,000
59	K185031780	HÀ THỊ NGỌC	LÊ	26/4/2000	K18503	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100%	6,050,000
60	K185041900	LỤC THỊ	THANH	20/5/2000	K18504	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100%	6,050,000
61	K194040412	ĐÀNG THỊ NGỌC	HUYỀN	21/05/2000	K19404A	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100 %	8,184,000
62	K194070883	Y MÃU	AYÜN	30/12/2001	K19407	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100 %	7,440,000
63	K195021983	TRẦN THỊ THANH	NHÀN	17/03/2001	K19502	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100%	7,812,000
64	K195042260	NÔNG THỊ THU	THẢO	28/05/2001	K19504	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100 %	5,208,000
65	K204021014	ĐÀM NGỌC THÚY	TIỀN	01/11/2002	K204022C	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100 %	5,952,000
66	K204031032	DƯƠNG THỊ NGỌC	HUYỀN	26/06/2002	K20403	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100 %	8,928,000
67	K204030156	LÝ KIM	TÀI	25/02/2001	K20403	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100%	6,324,000
68	K204030151	R'Ỏ H'LINH	NA	16/11/2001	K20403	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100%	8,184,000
69	K204040207	TRƯƠNG THỊ KIỀU	OANH	17/8/2001	K20404A	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100%	7,812,000

4/10

STT	Mã SV	Họ và đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Tên Đối Tượng	Mức miễn, giảm	Số tiền miễn, giảm
70	K204061398	LỘC THỊ NGỌC	HUYỀN	23/04/2002	K20406	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100 %	6,696,000
71	K204071499	HOÀNG THỊ ÁNH	VÂN	11/07/2002	K20407	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100 %	8,184,000
72	K204100516	LÃNG THUY	MƠ	1/9/2001	K20410	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100 %	7,812,000
73	K204101722	ĐINH THỊ	TÂM	6/1/2002	K20410	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100 %	6,696,000
74	K204101724	NGUYỄN THU	THANH	8/5/2002	K20410	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100%	6,324,000
75	K204111786	NGUYỄN THU	THẢO	8/5/2002	K20411	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100%	4,836,000
76	K204091660	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	17/3/2002	K20409	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100%	6,696,000
77	K214021461	HOÀNG THỊ NHƯ	QUỲNH	10/5/2003	K21402	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100%	10,250,000
78	K214030209	THÀNH THỊ HỒNG	TÉP	5/10/2001	K21403	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100%	9,250,000
79	K214070473	TÀI THỊ THANH	THANH	10/9/2003	K21407	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100%	9,250,000
80	K214051658	HÀ THẾ	CHÂU	10/10/2003	K21405	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100%	9,250,000
81	K215011006	QUẢNG NỮ ÁI	HẬU	30/12/2002	K21501	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100%	9,250,000

4th

STT	Mã SV	Họ và đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Tên Đối Tượng	Mức miễn, giảm	Số tiền miễn, giảm
82	K215011036	BÀ THỊ	TUYÊN	16/4/2002	K21501	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100%	9,250,000
83	K215042344	HỒ THỊ CỎ	LIN	17/10/2003	K21504	MGHP-DT-4	Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc ông bà (trường hợp ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo	100%	9,250,000
84	K184010012	HÀ THỊ	HÀNG	01/01/1999	K18401	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	5,016,200
85	K184010049	KIM ĐĂNG	THÀNH	12/03/1999	K18401	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	4,235,000
86	K184081000	BÙI CẨM	HƯỜNG	16/5/1999	K18408	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70%	6,318,200
87	K184111359	QUÁCH HUỲNH	ANH	06/04/2000	K18411	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	2,541,000
88	K185011535	NGUYỄN THỊ BÍCH	HỒNG	02/09/2000	K18501	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	6,578,600
89	K185011545	ĐÌNH THỊ KIỀU	MAI	25/1/2000	K18501	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70%	4,235,000
90	K194010047	HỨA THỊ	THÀNH	11/02/2001	K19401	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70%	4,687,200

STT	Mã SV	Họ và đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Tên Đối Tượng	Mức miễn, giảm	Số tiền miễn, giảm
91	K194030363	KHẨM PHAY	LÀO	30/06/2001	K19403C	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	3,645,600
92	K194050651	KIM XUÂN	NGUYỆT	21/11/2000	K19405	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	5,728,800
93	K194101463	HOÀNG THỊ BÍCH	LÀNH	11/08/2001	K194101C	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	7,291,200
94	K204020981	VÔ THỊ HOÀNG	SA	07/12/2002	K20402	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	4,947,600
95	K204020992	GIANG NGỌC	TRÂM	15/4/2002	K20402	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	4,687,200
96	K204091633	HOÀNG THỊ	CHÂM	16/08/2002	K20409	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	6,249,600
97	K204101740	DƯƠNG TUẤN	DỊ	26/3/2002	K20410C	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70%	5,728,800
98	K204100523	NÔNG THỊ	PHUƠNG	9/8/2002	K20410	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70%	6,770,400

STT	Mã SV	Họ và đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Tên Đối Tượng	Mức miễn, giảm	Số tiền miễn, giảm
99	K205012024	NÔNG THỊ	HẬU	24/09/2002	K20501	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	5,208,000
100	K205010699	CHU THỊ KIỀU	TRANG	12/7/2001	K20501	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	5,208,000
101	K205032147	DƯƠNG THỊ QUỲNH	NHÂM	05/10/2002	K20503	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70%	4,687,200
102	K205030810	NEÀNG KIM	SA	21/04/2001	K20503	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	4,687,200
103	K214100737	TRƯƠNG NGỌC	ÁNH	28/7/2003	K21410	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	10,430,000
104	K214101927	HOÀNG ĐỨC	THỊNH	1/1/2003	K21410C	MGHP-DT-6	Sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.	70 %	10,430,000
105	K184010079	HÀ THU	HUYỀN	20/02/2000	K18401C	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50 %	1,210,000
106	K184040472	BÙI THỊ QUỲNH	DAO	13/11/2000	K18404C	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50 %	3,025,000
107	K194050622	DƯƠNG THỊ VIỆT	HÀ	23/5/2001	K19405	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50 %	3,720,000

STT	Mã SV	Họ và đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Tên Đối Tượng	Mức miễn, giảm	Số tiền miễn, giảm
108	K184101251	TRẦN THỊ HẢI	ANH	07/12/2000	K18410	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50 %	1,815,000
109	K185021692	VÔ THỊ THANH	THẢO	28/08/2000	K18502	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50 %	3,025,000
110	K194060872	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THI	13/01/2001	K19406C	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50 %	3,162,000
111	K194091350	NGUYỄN THẢO	QUỲNH	9/9/2001	K19409C	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50 %	2,604,000
112	K194111601	PHẠM THÀNH	ĐẠT	11/11/2001	K19411C	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50 %	3,348,000
113	K195021952	PHAN QUỐC	CƯỜNG	05/05/2001	K19502	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50 %	4,278,000
114	K195042235	TIÊU KHÁNH	LINH	28/11/2001	K19504	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50 %	1,860,000
115	K204080448	LÊ KHÁNH	TRÌNH	23/01/2002	K20408CA	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50%	2,976,000
116	K214011391	ĐỖ THỊ NGỌC	HÀ	24/7/2003	K21401	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50%	4,625,000
117	K214091876	HÀNG HIẾU	PHƯƠNG	16/12/2003	K21409	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50%	4,625,000

4/11/2023

STT	Mã SV	Họ và tên	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Tên Đối Tượng	Mức miễn, giảm	Số tiền miễn, giảm
118	K205022085	NGUYỄN HÀ BẠCH	DƯƠNG	01/05/2002	K20502	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50%	3,720,000
119	K214020121	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	13/3/2003	K214021C	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50%	7,450,000
120	K214020125	TRẦN QUỐC	HƯNG	23/6/2003	K214021C	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50%	7,450,000
121	K214021493	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT	6/1/2003	K214022C	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50 %	7,450,000
122	K214041597	NGUYỄN DIỆU	HƯƠNG	24/3/2003	K21404B	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50%	4,625,000
123	K214111321	LAI THỊ BẢO	TRÂN	10/10/2003	K21411	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50%	5,125,000
124	K214111317	LÊ THỊ BĂNG	DUYÊN	30/4/2003	K21411	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50%	5,125,000
125	K214100685	TRẦN KHÁNH	HÒA	25/4/2003	K21410	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50%	5,125,000
126	K214152127	NGUYỄN VĂN	SONG	7/6/2003	K21415	MGHP-DT-7	SV là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên	50%	4,625,000
127	K184030275	LÀU THỊ	NHƯ	26/04/1999	K18403	MGHP-DT-8	Sinh viên hệ cử tuyển theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	100%	3,720,000
128	K214030203	MẠC THỊ	MÙI	20/12/2002	K21403	MGHP-DT-8	Sinh viên hệ cử tuyển theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	100%	9,250,000

STT	Mã SV	Họ và đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Tên Đối Tượng	Mức miễn, giảm	Số tiền miễn, giảm
129	K214030213	LÝ NGỌC	TRẦN	31/10/2002	K21403	MGHP-DT-8	Sinh viên hệ cử tuyển theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	100%	9,250,000
130	K214040258	TRẦN THỊ HOÀNG	NHI	6/2/2002	K21404A	MGHP-DT-8	Sinh viên hệ cử tuyển theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	100%	9,250,000
131	K214040260	DỤNG NỮ KIM	OANH	17/8/2002	K21404A	MGHP-DT-8	Sinh viên hệ cử tuyển theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	100%	9,250,000
132	K214100693	HOÀNG THỊ HỒNG	LIÊN	20/7/2002	K21410	MGHP-DT-8	Sinh viên hệ cử tuyển theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	100%	10,250,000
133	K215031133	LÝ BÍCH	TIỆN	27/02/2002	K21503	MGHP-DT-8	Sinh viên hệ cử tuyển theo quy định của Chính phủ về chế độ cử tuyển vào các cơ sở giáo dục đại học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	100%	9,250,000

Tổng số: 133 SV

Tổng số tiền: 883,282,800

NGƯỜI LẬP BẢNG



Huỳnh Mạnh Phương

LÃNH ĐẠO PHÒNG CTSV



Võ Văn Trọng

LÃNH ĐẠO PHÒNG KH-TC



Lưu Văn Lập

TP.HCM, ngày 04 tháng 4 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Tiến Dũng